

Số: 268/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 25 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 271/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: 29C/103 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Lê Thị Ngân Th, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 29C/103 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân V và chị Lê Thị Ngân Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Th, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 23/3/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 29C/103 N, phường T, thành phố H. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp nhau trong hôn nhân, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh V và chị Th xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân M, sinh ngày: 15/10/2009 và Nguyễn Hạnh Th, sinh ngày 07/9/2012. Hai bên thỏa thuận giao 02 con chung cho anh V nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), chị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh V và chị Th tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh V và chị Th xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh V và chị Th mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng mà anh V và chị Th đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009889 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên anh V và chị Th không phải nộp tiếp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân V và chị Lê Thị Ngân Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Xuân V và chị Lê Thị Ngân Th xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân M, sinh ngày 15/10/2009 và Nguyễn Hạnh Th, sinh ngày 07/9/2012. Anh V và chị Th thỏa thuận giao 02 con chung cháu M và cháu Th cho anh V nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), chị Th không phải chấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Xuân V và chị Lê Thị Ngân Th tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Xuân V và chị Lê Thị Ngân Th xác nhận vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Xuân V và chị Lê Thị Ngân Th mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng mà anh V và chị Th đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009889 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên anh V và chị Th không phải nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường T, TP Huế
(ĐKKH số 34, quyền số: 01/2009
ngày 23/3/2009);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Dũng